EVNGENCO1

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

CUNG CẤP AMONIAC HÓA LỎNG (NH3) CHO CÁC NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THUỘC TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1

Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5701662162 - C.T.N.H.H * TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1 * Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Thịnh

MỤC LỤC

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Phần thứ 1. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC SƠ TUYỂN

A. Tổng quát

B. Chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển

C. Nộp hồ sơ dự sơ tuyển

D. Mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

E. Kết quả mời sơ tuyển

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST

Chương III. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

Chương IV. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

Phần thứ ba. YÊU CẦU VỀ THỎA THUẬN KHUNG

Chương V. MẪU THỎA THUẬN KHUNG

Phụ lục 01. Mẫu Hợp đồng

Phụ lục 02. Mẫu Hồ sơ mời chào giá

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam.

Phần thứ nhất.

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I

YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC SƠ TUYỂN

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung mời sơ tuyển

1. Bên mời thầu Tổng công ty Phát điện 1 (địa chỉ: số 11, Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội) mời các nhà thầu tham gia sơ tuyển cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện thuộc Tổng công ty Phát điện 1.

2. Nội dung công việc chủ yếu: Cung cấp NH3 (nồng độ 99,5%) cho hệ thống SCR của nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (dự kiến khoảng 13.000 tấn/năm). Trên cơ sở danh sách ngắn nhà thầu đáp ứng yêu cầu sơ tuyển, Chủ đầu tư dự kiến mời chào giá theo Quý với khối lượng cung cấp dự kiến khoảng 3.250 tấn/quý.

3. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh.

4. Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 12 tháng.

Mục 2. Nội dung của Hồ sơ mời sơ tuyển

1. HSMST gồm có các Phần thứ 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 6 Chương này (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

- Phần thứ 1. Chỉ dẫn đối với nhà thầu;

- Phần thứ 2. Yêu cầu về cung cấp;

- Phần thứ 3. Yêu cầu về Thỏa thuận khung;

2. Thư mời sơ tuyển/thông báo mời sơ tuyển do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMST.

3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 6 Chương này nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.

4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về cung cấp và các yêu cầu khác trong HSMST để chuẩn bị lập HSDST của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSMST.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng

phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu và Điều 2 Nghị định 63/CP;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

2. Thuật ngữ "hàng hóa" trong HSMST này được hiểu là Ammoniac hóa lỏng (NH3).

Thuật ngữ "xuất xứ" được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

Thuật ngữ "dịch vụ liên quan" trong HSMST này là dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

3. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4.1 nêu trên, nhà thầu cần nêu rõ xuất xứ của hàng hoá, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hoá và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO);

b) Giấy chứng nhận chất lượng (CQ);

c) Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Mục 5. Hồ sơ mời sơ tuyển và phát hành hồ sơ mời sơ tuyển

1. HSMST bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMST này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMST để chuẩn bị HSDST thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu phát hành miễn phí HSMST cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia sơ tuyển sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên thông báo mời sơ tuyển và được kéo dài đến trước thời điểm đóng sơ tuyển.

Mục 6. Giải thích làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển

Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMST thì phải gửi văn bản đề nghị đến Bên mời thầu theo địa chỉ Tổng công ty Phát điện 1 – Số 11 Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội (nhà thầu có thể thông báo trước cho Bên mời thầu qua fax, e-mail ...) đảm bảo Bên mời thầu nhận được văn bản yêu cầu giải thích làm rõ HSMST không muộn hơn 05 ngày trước thời điểm đóng sơ tuyển. Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMST của nhà thầu theo thời gian quy định, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ và gửi cho tất cả nhà thầu đã nhận HSMST từ Bên mời thầu. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 Chương này.

Mục 7. Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển

Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSMST (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDST nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMST đến tất cả các nhà thầu nhận HSMST hoặc đã nộp HSDST trước thời điểm đóng sơ tuyển tối thiểu 10 ngày. Tài liệu này là một phần của HSMST. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

Mục 8. Chi phí dự sơ tuyển

Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia sơ tuyển, kể từ khi nhận HSMST cho đến khi thông báo kết quả sơ tuyển.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 9. Ngôn ngữ sử dụng

HSDST cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc sơ tuyển phải được viết bằng ngôn ngữ sau: Tiếng việt.

Mục 10. Nội dung hồ sơ dự sơ tuyển

HSDST do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 Chương này;

2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu dự sơ tuyển;

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 13 Chương này;

5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương này;

6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 13 Chương này;

7. Đề xuất về kỹ thuật và tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 12 Chương này.

Mục 11. Đơn dự sơ tuyển

Đơn dự sơ tuyển do nhà thầu chuẩn bị và phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ sau: bản chụp được chứng thực Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST.

Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự sơ tuyển theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì từng thành viên liên

danh gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 12. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMST, nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDST để chứng minh rằng hàng hóa mà nhà cung cấp cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương IV – Yêu cầu về cung cấp.

2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, số liệu... được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với yêu cầu của HSMST và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Yêu cầu về cung cấp.

3. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Bên mời thầu quy định tại Chương IV – Yêu cầu về cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương IV – Yêu cầu về cung cấp.

Mục 13. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ (bản chụp được chứng thực) của mình như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 Chương III.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

Nhà cung cấp phải ghi thông tin cần thiết vào các mẫu trong Chương III - Biểu mẫu dự sơ tuyển để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

Mục 14. Quy cách của hồ sơ dự sơ tuyển và chữ ký trong hồ sơ dự sơ tuyển

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp HSDST, trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ ghi rõ "BẢN GỐC HSDST", "BẢN CHỤP HSDST". Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp tương ứng. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC HSDST SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSDST SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSDST THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSDST THAY THẾ".

2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDST của nhà thầu bị loại.

3. Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự sơ tuyển, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu và một trong các tài liệu, giấy tờ sau: bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST.

4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDST phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

C. NỘP HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 15. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng hồ sơ dự sơ tuyển

1. HSDST bao gồm các nội dung nêu tại Mục 10 Chương này. HSDST phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDST như sau: Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSDST:

- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu: _____

- Địa chỉ nộp HSDST: Tổng công ty Phát điện 1 – Số 11, Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

- Tham gia sơ tuyển: Cung cấp Amoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1.

- Không được mở trước _____ giờ, ngày ___ tháng ___ năm ___.

2. Trong trường hợp HSDST gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDST của Bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMST này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDST trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDST theo hướng dẫn quy định của HSMST này. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

Mục 16. Thời hạn nộp hồ sơ dự sơ tuyển

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDST đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước 09 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 08 năm 2020. Bên mời thầu tiếp nhận HSDST của tất cả nhà thầu nộp HSDST trước thời điểm hết hạn nộp HSDST, kể cả trường hợp nhà thầu chưa nhận HSMST trực tiếp từ Bên mời thầu.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDST (thời điểm đóng sơ tuyển) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDST hoặc khi sửa đổi HSMST theo Mục 7 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi Bên mời thầu xét thấy cần thiết. Khi gia hạn thời điểm đóng sơ tuyển, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng sơ tuyển trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng sơ tuyển mới được gia hạn.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDST, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nhận HSMST hoặc đã nộp HSDST, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDST sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử về đấu thầu của EVNGENCO1. Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng sơ tuyển mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDST (bao gồm cả hiệu lực của HSDST) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDST có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDST của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST thì Bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".

Mục 17. Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự sơ tuyển

1. Thời hạn có hiệu lực của HSDST là: **≥ 90 (chín mươi) ngày,** kể từ ngày có thời điểm đóng sơ tuyển. HSDST có thời hạn hiệu lực ngắn hơn so với quy định là không hợp lệ và bị loại.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDST, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDST. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDST thì HSDST của nhà thầu không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDST. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 18. Hồ sơ dự sơ tuyển nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDST nào được nộp sau thời điểm đóng sơ tuyển. Bất kỳ HSDST nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng sơ tuyển sẽ bị tuyên bố là HSDST nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

Mục 19. Rút, thay thế và sửa đổi hồ sơ dự sơ tuyển

1. Sau khi nộp HSDST, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 14.3 Chương này. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDST phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 Chương này, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ "SỬA ĐỔI HSDST" hoặc "THAY THẾ HSDST" hoặc "RÚT HSDST";

b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng sơ tuyển theo quy định tại Mục 16 Chương này.

2. HSDST mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 19.1 Chương này sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST sau thời điểm đóng sơ tuyển cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDST mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự sơ tuyển hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDST.

Mục 20. Bảo mật

1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDST phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình sơ tuyển nhà thầu cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDST.

2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST theo quy định tại Mục 22 Chương này và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến sơ tuyển trong suốt thời gian từ khi mở HSDST cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.

D. MỞ VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 21. Mở hồ sơ dự sơ tuyển

1. Việc mở HSDST được tiến hành công khai vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 08 năm 2020, tại Văn phòng Tổng công ty Phát điện, tầng 17, tháp B, tòa nhà EVN, số 11, phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP.Hà Nội.

2. Bên mời thầu tiến hành mở lần lượt từng HSDST theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. HSDST của nhà thầu có văn bản đề nghị rút HSDST đã nộp và HSDST của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng sơ tuyển sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi mở HSDST, Bên mời thầu lập biên bản mở HSDST và gửi bản chụp cho các nhà thầu đã nộp HSDST đúng quy định.

Mục 22. Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển

1. Sau khi mở HSDST, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSDST của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật nêu trong HSDST của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDST đã nộp. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDST bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

2. Việc làm rõ HSDST giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong khoảng thời gian 05 ngày kể từ ngày đóng sơ tuyển, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDST của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDST. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

4. Việc làm rõ HSDST chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDST cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDST được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDST. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDST của nhà thầu theo HSDST nộp trước thời điểm đóng sơ tuyển.

5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng được lựa chọn vào danh sách ngắn đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSDST. Nội dung làm rõ HSDST phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDST trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

Mục 23. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung

Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDST:

1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMST;

2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMST;

3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMST.

Mục 24. Xác định tính đáp ứng của HSDST

1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDST dựa trên nội dung của HSDST theo quy định tại Mục 10 Chương này.

2. HSDST đáp ứng cơ bản là HSDST đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMST mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDST mà:

a) nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMST đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà cung cấp trong hợp đồng;

b) nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDST đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMST.

3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDST theo quy định tại Mục 12 và Mục 13 Chương này nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu của Phần thứ hai - Yêu cầu về cung cấp đã được đáp ứng và HSDST không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.

4. Nếu HSDST không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMST thì HSDST đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDST đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMST.

Mục 25. Sai sót không nghiêm trọng

1. Với điều kiện HSDST đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMST thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung trong HSDST.

2. Với điều kiện HSDST đáp ứng cơ bản HSMST, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDST liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDST của nhà thầu có thể sẽ bị loại.

3. Với điều kiện HSDST đáp ứng cơ bản HSMST, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng trong HSDST.

Mục 26. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST:

a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;

b) Nhà thầu có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được lựa chọn vào danh sách ngắn.

Mục 27. Thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá về kỹ thuật, Bên mời thầu mời các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung. Việc thương thảo, hoàn thiện thỏa thuận khung phải dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá HSDST;

b) HSDST và các tài liệu làm rõ HSDST (nếu có) của nhà thầu;

c) HSMST và các tài liệu sửa đổi HSMST (nếu có).

2. Nội dung thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMST và HSDST; giữa các nội dung khác nhau trong HSDST, có thể

dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDST (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi;

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình sơ tuyển (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của Thỏa thuận khung;

d) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 25 Chương này;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

3. Trong quá trình thương thảo Thỏa thuận khung, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo Thỏa thuận khung.

4. Trường hợp thương thảo không thành công, nhà thầu sẽ không được lựa chọn vào danh sách ngắn.

E. KẾT QUẢ SƠ TUYỂN

Mục 28. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn

Nhà thầu được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDST hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;

3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST.

Mục 29. Hủy sơ tuyển

1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy sơ tuyển trong trường hợp sau đây:

a) Tất cả HSDST không đáp ứng được các yêu cầu của HSMST;

b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi cung cấp hàng hóa đã ghi trong HSMST;

c) Có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo yêu cầu của HSMST.

d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả sơ tuyển.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm d Mục 29.1 Chương này) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 30. Thông báo kết quả sơ tuyển

1. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, Bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn) theo quy định, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển tới các nhà thầu tham gia sơ tuyển (bao gồm cả nhà thầu trong danh sách ngắn và nhà thầu ngoài danh sách ngắn).

2. Trường hợp hủy sơ tuyển theo quy định tại điểm a và điểm c Mục 29.1 Chương này, trong văn bản thông báo kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do hủy.

3. Sau khi thông báo kết quả sơ tuyển theo quy định tại Mục 30.1 Chương này, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả sơ tuyển, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 31. Điều kiện ký kết Thỏa thuận khung

1. Tại thời điểm ký kết Thỏa thuận khung, HSDST của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết Thỏa thuận khung, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMST thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định phê duyệt hiệu chỉnh kết quả sơ tuyển và gửi thông báo kết quả hiệu chỉnh đến tất cả các nhà thầu dự sơ tuyển.

Mục 32. Giải quyết kiến nghị trong quá trình sơ tuyển

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình sơ tuyển, kết quả sơ tuyển đến:

- Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 1 – Số 11, Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Người có thẩm quyền: Tổng công ty Phát điện 1 – Số 11, Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Việc giải quyết kiến nghị trong quá trình sơ tuyển được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Mục 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDST

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDST;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDST, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMST, trong đó có: Đơn dự sơ tuyển, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật và các thành phần khác thuộc HSDST theo quy định tại Mục 10 Chương I;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDST.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDST

HSDST của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDST;

b) Có đơn dự sơ tuyển thuộc HSDST được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với liên danh, đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung nêu trong đơn dự sơ tuyển phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMST;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDST đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17 Chương I;

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDST với tư cách là nhà cung cấp chính (nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một sơ tuyển;

g) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu dự sơ tuyển;

h) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

Nhà thầu có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu. Đối với gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được đánh giá tương ứng với phần mà nhà thầu tham dự thầu.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
				Nhà cung cấp liên danh			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm đóng sơ tuyển, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành[(1)].	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 05
2	**Kiện tụng đang giải quyết**	Trường hợp nhà thầu có kiện tụng đang giải quyết thì vụ kiện sẽ được coi là có kết quả giải quyết theo hướng bất lợi cho nhà thầu và các khoản chi phí liên quan đến các kiện tụng này không được vượt quá 50 % giá trị tài sản ròng của nhà thầu. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 06
3	**Năng lực tài chính**						

3.1	**Kết quả hoạt động tài chính**	Nộp báo cáo tài chính từ năm 2017 đến năm 2019 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
3.2	**Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh**	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 87.250.000.000 VND, trong vòng 03 năm gần đây.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	**Năng lực vận chuyển**	Nhà thầu cam kết sở hữu hoặc đi thuê các thiết bị vận chuyển phục vụ cho việc cung cấp hàng hóa gồm: - Tối thiểu 05 chiếc xe bồn chuyên dụng chở NH3 (có khối lượng tối thiểu 9 tấn), các xe phải có đủ đăng ký, đăng kiểm theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải có giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (NH3) được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; - Tối thiểu 50 vỏ chai chứa khí NH3 quy cách 50-60 kg/chai được kiểm định theo đúng quy định	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Có bản cam kết
5	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự**	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn[(2)] với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ[(3)] từ 01/01/2017 trở lại đây	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công	Không áp dụng	Mẫu số 07

		(tính đến thời điểm đóng thầu): Tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp Ammoniac hóa lỏng có khối lượng ≥ 3.000 tấn.			việc đảm nhận)		
6	**Uy tín nhà thầu**	- Không có hợp đồng tương tự bị đánh giá là không đạt hoặc không có từ hai hợp đồng trở lên bị đánh giá là cảnh báo theo kết quả đánh giá chất lượng của nhà thầu định kỳ/hằng năm do Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt gần nhất với thời điểm bắt đầu lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 202/QĐ-EVN ngày 14/2/2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc áp dụng kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu vào công tác đấu thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc Gia Việt Nam (địa chỉ để Nhà thầu tra cứu Quyết định số 202/QĐ-EVN ngày 14/2/2019 https://dauthau.evn.com.vn/)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	

Ghi chú:

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(2) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(3) Với các hợp đồng mà nhà cung cấp đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà cung cấp thực hiện.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung đánh giá		**Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt**
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hàng hóa tại Mục 2 Chương IV - HSMST.	**Đạt**
	Không đáp ứng yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hàng hóa tại Mục 2 Chương IV - HSMST.	**Không đạt**
2. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		
Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết.	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.	**Đạt**
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết.	**Chấp nhận được**
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết.	**Không đạt**
3. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa		

Yêu cầu về phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa	Nhà thầu có trình bày phương án cung cấp, vận chuyển đáp ứng yêu cầu tại Mục 3 Chương IV - HSMST.	**Đạt**
	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày phương án cung cấp, vận chuyển không đáp ứng yêu cầu tại Mục 3 Chương IV - HSMST.	**Không đạt**
4. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong thời gian 04 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng sơ tuyển.	Nhà thầu có cam kết không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	**Đạt**
	Nhà thầu không có cam kết về không hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng tương tự do lỗi của nhà thầu	**Không đạt**
Kết luận là đạt khi tất cả các tiêu chí trên được đánh giá là đạt/chấp nhận được		____

Chương III

BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

Mẫu số 01. Đơn dự sơ tuyển

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04 (a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 04 (b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh

Mẫu số 05. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ

Mẫu số 06. Kiện tụng đang giải quyết

Mẫu số 07. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN [1]

Ngày: ___ *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Sơ tuyển:___*[ghi nội dung sơ tuyển theo thông báo mời sơ tuyển]*

Kính gửi: Tổng công ty Phát điện 1

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời sơ tuyển và văn bản sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển số___*[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[ghi tên nhà thầu],* cam kết tham gia dự sơ tuyển cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời sơ tuyển với thời gian thực hiện Thỏa thuận khung là ___*[ghi thời gian thực hiện Thỏa thuận khung theo yêu cầu của HSMST]* [2].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự sơ tuyển này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển là trung thực.

Nếu được xem xét lựa chọn vào danh sách ngắn, chúng tôi sẽ tham gia thương thảo, ký kết Thỏa thuận khung và tham gia chào giá cung cấp *Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)* cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1.

Hồ sơ dự sơ tuyển này có hiệu lực trong thời gian ____ [3]ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____[4].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu [5]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu [6]]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDST, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung nêu trong đơn dự sơ tuyển phải phù hợp với yêu cầu tại Mục 1.4 - Chương I.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 17.1 – Chương I. Thời gian có hiệu

lực của HSDST được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMST. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 – Chương I.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của Luật đấu thầu 43/2013/QH13.

(6) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDST là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự sơ tuyển, chào giá Cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 do ____*[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn dự sơ tuyển/đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia dự sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST/HSMCG và văn bản giải trình, làm rõ HSDST/HSCG hoặc văn bản đề nghị rút HSDST/HSCG, sửa đổi, thay thế HSDST/HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết Thỏa thuận khung với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn][2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời

thầu cùng với đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 – Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia dự sơ tuyển.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH[1]

_____ , ngày _____tháng _____ năm _____

Ngày: ___ *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Sơ tuyển:___*[ghi nội dung sơ tuyển theo thông báo mời sơ tuyển]*

Căn cứ [2]_____*[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];*

Căn cứ[2]_____*[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

Căn cứ hồ sơ mời sơ tuyển Cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 ngày __ tháng__ năm__*[ngày được ghi trên HSMST];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh____*[ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ___ngày _____tháng____năm___*(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự sơ tuyển, dự chào giá Cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến quá trình sơ tuyển, chào giá Cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 là: ____*[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia sơ tuyển, chào giá Cung cấp *Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)* cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1. Trường hợp được lựa chọn vào danh sách ngắn, không thành viên nào có quyền

từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong Thỏa thuận khung. Trường hợp liên danh trúng thầu khi tham gia chào giá cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____[ghi rõ hình thức xử lý khác].

4. Sau khi liên danh được trao hợp đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi một hoặc nhiều thành viên của liên danh không thực hiện hợp đồng như phân công trong thỏa thuận này, các thành viên còn lại của liên danh phải phân công các nhiệm vụ còn lại để đảm bảo thực hiện thành công hợp đồng đã ký giữa Chủ đầu tư và liên danh. Trong trường hợp một hoặc một số thành viên của liên danh không thể thực hiện hợp đồng, trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của liên danh cũng như các thành viên của liên danh là không thay đổi.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện Cung cấp *Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)* cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____*[ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[(3)]:

[- Ký đơn dự sơ tuyển/đơn chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự sơ tuyển, dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST/HSMCG và văn bản giải trình, làm rõ HSDST/HSCG hoặc văn bản đề nghị rút HSDST/HSCG, sửa đổi, thay thế HSDST/HSCG;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh khi tham gia chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây [(4)]:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	-

		-
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ -
....	....	....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được lựa chọn vào danh sách ngắn;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy sơ tuyển Cung cấp *Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)* cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 theo thông báo của Bên mời thầu;

- Hủy thầu đợt chào giá số____ *[ghi số hiệu của đợt chào giá]* của gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc KHLCNT ____ *[ghi tên KHLCNT]* theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản, mỗi bên giữ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của sơ tuyển, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Mẫu số 04 (a)

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Sơ tuyển:___*[ghi nội dung sơ tuyển theo thông báo mời sơ tuyển]*

Trang_____/_____trang

Tên nhà thầu:___*[ghi tên nhà thầu]*
Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:___*[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]*
Năm thành lập công ty:___*[ghi năm thành lập công ty]*
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu:__*[tại nơi đăng ký]*
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Mẫu số 04 (b)

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH[1]

Ngày: _____

Sơ tuyển:___*[ghi nội dung sơ tuyển theo thông báo mời sơ tuyển]*

Trang_____/_____ trang

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 05

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ (1)

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST			
☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST. ☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)**
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi "gian lận" và HSDST sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 06

KIỆN TỤNG ĐANG GIẢI QUYẾT[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các vụ kiện đang giải quyết			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ☐ Không có vụ kiện nào đang giải quyết. ☐ Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà thầu là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà thầu liên danh).			
Năm	**Vấn đề tranh chấp**	**Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND**	**Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng**

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các vụ kiện tụng đang giải quyết; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi "gian lận" và HSDST sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 07

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN[1]

___, ngày _____ tháng _____ năm _____

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương_____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	*[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]*	*[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương____ VND
Tên dự án:	*[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III[2]			
1. Loại hàng hóa	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị	*[ghi số tiền bằng VND]*		
3. Về quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*		
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú :

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của sơ tuyển.

Mẫu số 08

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU [1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất [2] [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh[3]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất[4], như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu

liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

4. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán;

- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Phần thứ hai
YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

Chương IV
YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

Mục 1. Thông tin sơ tuyển

Tổng công ty Phát điện 1 thực hiện sơ tuyển danh sách ngắn các nhà thầu để cung cấp loại hàng hóa dưới đây cho nhà máy nhiệt điện Duyên Hải thuộc Tổng công ty Phát điện 1:

Stt	Danh mục hàng hóa	Địa điểm cấp hàng	Số lượng dự kiến mua sắm
1	Ammoniac hóa lỏng (NH3)	Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	13.500 tấn/năm

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Để bảo đảm cho thiết bị sản xuất của bên mời thầu được an toàn theo quy phạm và tuân thủ theo Luật Môi trường, bên mời thầu sử dụng tiêu chuẩn hàng hóa của nhà sản xuất để làm cơ sở cho các hợp đồng cung ứng. Hàng hoá của nhà thầu cung cấp cho bên mời thầu phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo bảng kê sau:

Stt	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ghi chú
1	Ammoniac hóa lỏng	Hàm lượng NH3 lỏng: - Độ tinh khiết (mịn): ≥ 99,5wt (%) - Độ ẩm: ≤ 0,5 wt (%) - Dầu: ≤ 5 wt (%)	

Mục 3. Yêu cầu về cung cấp, vận chuyển hàng hóa

Toàn bộ hàng hoá được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng như sau:

Đối với xe bồn chuyên dụng chở NH3 phải đáp ứng các yêu cầu:

+ Có khối lượng tối thiểu 9 tấn;

+ Các xe phải có đủ đăng ký, đăng kiểm;

+ Có giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (NH3) được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

Đối với xe chuyên chuyên dụng chở chai khí quy cách 50-60 kg/chai:

+ Có khối lượng tối thiểu 3 tấn;

+ Các xe phải có đủ đăng ký, đăng kiểm;

+ Có giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (NH3) được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nhà thầu có trách nhiệm đề xuất, thuyết minh phương án cung cấp, vận chuyển (logistic) hàng hóa của nhà thầu để đảm bảo yêu cầu tiến độ cung cấp hàng hóa theo yêu cầu (Thời gian giao hàng mỗi đợt dự kiến trong vòng bốn (04) ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày Bên Mời thầu gửi Phiếu yêu cầu cấp NH3 cho nhà thầu. Khối lượng giao hàng mỗi đợt tối thiểu 100 tấn hoặc theo nhu cầu thực tế của Bên mời thầu.

Mục 4. Yêu cầu về thời gian giao hàng

Tiến độ cấp hàng theo yêu cầu của Bên mời thầu trong thời gian hợp đồng có hiệu lực hoặc cho đến khi Bên mời thầu nhận đủ khối lượng mời thầu tùy theo điều kiện nào đến trước.

Nhà thầu thực hiện giao hàng tại địa điểm giao hàng và thời gian quy định tại Phiếu yêu cầu cấp NH3 mà Chủ đầu tư gửi cho Nhà thầu. Phiếu yêu cầu cấp NH3 có thể gửi qua email hoặc fax hoặc bưu điện. Thời gian giao hàng mỗi đợt dự kiến trong vòng bốn (04) ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày Bên Mời thầu gửi giấy xác nhận đặt hàng cho nhà thầu. Khối lượng giao hàng mỗi đợt khoảng 100 tấn hoặc theo nhu cầu thực tế của Bên mời thầu.

Mục 5. Yêu cầu cầu về xác định khối lượng hàng hóa được giao nhận

- Đối với giao nhận bằng xe bồn:

+ Nhà thầu cung cấp Phiếu xuất kho, trong đó nêu rõ khối lượng hàng hóa cho từng xe bồn.

+ Thực hiện cân và xác nhận khối lượng tại Trạm cân của Chủ đầu tư.

+ Xe bồn được cân trước và sau khi bơm hàng vào bồn chứa dưới sự chứng kiến của đại diện hai bên.

+ Khối lượng thanh toán là khối lượng thấp hơn giữa khối lượng được cân tại Trạm cân của Chủ đầu tư và khối lượng trên Phiếu xuất kho của nhà thầu cho từng xe bồn.

- Đối với hàng hóa giao nhận bằng dạng chai khí quy cách 50-60 kg/chai: Cân khối lượng chai chứa hàng sau đó trừ đi khối lượng vỏ chai theo Phiếu kiểm định ghi nhận.

Mục 6. Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa

Chủ đầu tư được quyền kiểm tra chất lượng hàng hóa trước, trong và sau khi tiếp nhận.

Việc kiểm tra chất lượng trước khi tiếp nhận được tiến hành theo phương thức như sau:

- Vị trí kiểm tra: trên phương tiện chở hàng của Nhà thầu, trước khi giao tại kho của Chủ đầu tư;

- Thời gian kiểm tra: trước khi tiếp nhận vào kho của Chủ đầu tư;

- Cách thức kiểm tra:

Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu cùng lấy 03 chai mẫu tại phương tiện trước khi nhận hàng; Chủ đầu tư giữ 01 mẫu, Nhà thầu giữ 01 mẫu, còn 01 mẫu sẽ do Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng tại bộ phận hoá nghiệm của mình và đối chiếu với chứng nhận chất lượng của Nhà thầu. Nếu không đạt yêu cầu, hai bên sẽ dùng mẫu lưu của Chủ đầu tư và Nhà thầu để kiểm tra tại cơ quan có chức năng kiểm định đo lường chất lượng do hai bên thống nhất lựa chọn; chi phí phát sinh do Nhà thầu chịu.

Theo tình hình thực tế sản xuất, Chủ đầu tư có toàn quyền quyết định từ chối hay chấp nhận những lô hàng không đáp ứng được tất cả các yêu cầu về chất lượng như quy định.

Phần thứ ba

YÊU CẦU VỀ THỎA THUẬN KHUNG

Chương V

MẪU THỎA THUẬN KHUNG

Mẫu số 09

THỎA THUẬN KHUNG

Số: /TTK/EVNGENCO1-...

Về việc cung cấp Amoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy điện phục vụ các nhà máy nhiệt điện - Tổng công ty Phát điện 1

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Quyết định số ____ /QĐ-EVNGENCO1 ngày ____ tháng ____ năm ____ của Tổng công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển Cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy điện phục vụ các nhà máy nhiệt điện - Tổng công ty Phát điện 1;

- Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung đã được Bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký Thỏa thuận khung, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu được phê duyệt theo Danh sách ngắn]:*

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết Thỏa thuận khung cung cấp Ammoniac hóa lỏng (NH3) cho các nhà máy điện phục vụ các nhà máy nhiệt điện - Tổng công ty Phát điện 1, với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp

Phạm vi cung cấp là hàng hóa và dịch vụ liên quan được nêu chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.

Điều 2. Thành phần Thỏa thuận khung

Thành phần Thỏa thuận khung gồm:

1. Văn bản Thỏa thuận khung và các Phụ lục gồm:

- Phụ lục 01: Phạm vi cung cấp;

- Phụ lục 02: Mẫu Hợp đồng (gồm: Văn bản hợp đồng, điều kiện cụ thể của hợp đồng, điều kiện chung của hợp đồng);

- Phụ lục 03: Mẫu Hồ sơ mời chào giá.

2. Quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển

3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung;

4. Hồ sơ dự sơ tuyển và các tài liệu bổ sung làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển của nhà thầu trong Danh sách ngắn (nếu có);

5. Hồ sơ mời sơ tuyển và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Trong suốt thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận khung, Bên A phải đảm bảo Bên B sẽ nhận được hồ sơ mời chào giá khi Bên A thực hiện mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tại Phụ lục 01 của Thỏa thuận khung theo Danh sách ngắn các nhà thầu được

phê duyệt tại Quyết định số ____ /QĐ-EVNGENCO1 ngày ____ tháng ____ năm____*[điền số hiệu, ngày tháng của Quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển].*

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Bên B sẽ chào giá để cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan quy định tại Phụ lục 01 của Thỏa thuận khung và trong thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận khung, phù hợp với các điều kiện, điều khoản được quy định tại Thỏa thuận khung.

2. Trong suốt thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận khung:

a. Bên B phải đảm bảo có đủ tư cách hợp lệ, đủ năng lực và kinh nghiệm của Bên B và đảm bảo tính hợp lệ của hàng hóa theo các tiêu chí đánh được quy định tại Hồ sơ mời sơ tuyển và các quy định tại khoản 3 Điều này. Bên B phải thông báo ngay lập tức cho Bên A bằng văn bản trong trường hợp không còn đáp ứng đủ một trong các quy định liên quan đến tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của Bên B và tính hợp lệ của hàng hóa. Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về tư cách hợp lệ của Bên B hoặc tính hợp lệ của hàng hóa, Bên B phải thông báo cho Bên A để nhận được sự chấp thuận của Bên A. Nếu sự thay đổi này không đáp ứng các tiêu chuẩn của Bên A và không được Bên A chấp thuận thì Bên B sẽ không được mời chào giá.

b. Tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận khung, Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp các tài liệu liên quan đến việc chứng minh/cập nhật tư cách hợp lệ Bên B hoặc năng lực và kinh nghiệm của Bên B hoặc tính hợp lệ của hàng hóa.

Nếu Bên B không cung cấp được các tài liệu theo yêu cầu hoặc các tài liệu được cung cấp chứng minh là Bên B không còn đáp ứng yêu cầu của Bên A (về tư cách hợp lệ/năng lực, kinh nghiệm/tính hợp lệ của hàng hóa) thì Bên B sẽ bị loại khỏi danh sách ngắn và Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Thỏa thuận khung, đồng thời Bên B sẽ không được thực hiện việc ký kết hợp đồng trong trường hợp là nhà thầu trúng thầu.

c. Bên B sẽ không được tham gia chào giá trong các trường hợp sau:

a. Tư cách hợp lệ/năng lực/kinh nghiệm của Bên B không còn đáp ứng theo các tiêu chí đánh giá quy định tại Hồ sơ mời sơ tuyển;

b. Tính hợp lệ của hàng hóa không còn đáp ứng theo các tiêu chí đánh giá quy định tại Hồ sơ mời sơ tuyển;

c. Thay đổi tư cách hợp lệ của Bên B hoặc tính hợp lệ của hàng hóa nhưng sự thay đổi này không đáp ứng được các tiêu chí đánh giá quy định tại Hồ sơ mời sơ tuyển và không được sự chấp thuận thay đổi của Bên A.

3. Bên B thực hiện cung cấp hàng hóa theo Hợp đồng được ký kết. Hàng hóa được cung cấp sẽ:

a. Có thông số kỹ thuật của hàng hóa; xuất xứ của hàng hoá; ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa như đã quy định tại Phụ lục 1 của Thỏa thuận khung;

b. Có giá được quy định cụ thể tại Hợp đồng;

c. Có số lượng, thời gian và địa điểm cung cấp quy định cụ thể tại Hợp đồng.

Điều 5. Hiệu chỉnh Thỏa thuận khung

Bất kỳ sự thay đổi nào trong Thỏa thuận khung, bao gồm cả việc gia hạn hiệu lực của Thỏa thuận khung phải được Bên A và Bên B tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục Thỏa thuận khung.

Điều 6. Chấm dứt Thỏa thuận khung

Bên A có thể chấm dứt Thỏa thuận khung ngay lập tức với thông báo bằng văn bản đến Bên B, trong các trường hợp sau:

a. Chấm dứt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Thỏa thuận khung;

b. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung của Thỏa thuận khung trong thời hạn đã nêu trong Thỏa thuận khung hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

c. Trong thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận khung này, Bên B bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định của Luật đấu thầu hoặc có tên trong danh sách cấm tham gia đấu thầu của EVN/EVNGENCO1/các đơn vị trong ngành điện.

d. Bên B có Hợp đồng được ký kết và thực hiện trên cơ sở Thỏa thuận khung nhưng cung cấp hàng hóa/giao hàng không đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của Hợp đồng.

e. Bên B không thực hiện chào giá tối thiểu 02 lần theo thông báo mời chào giá của Bên A (áp dụng khi số đợt chào giá từ 02 lần trở lên). Trong trường hợp này, Bên B sẽ bị loại khỏi danh sách ngắn.

Điều 7. Thông báo

1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Thỏa thuận khung phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại Thỏa thuận khung này.

2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 8. Luật và giải quyết tranh chấp

1. Luật điều chỉnh Thỏa thuận khung là luật Việt Nam.

2. Giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ giải quyết thông qua đàm phán trực tiếp, thương lượng và hòa giải trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích của nhau.

Trường hợp quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc đàm phán cuối cùng không thành công, thì hai bên sẽ đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên.

Điều 9. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung

1. Thỏa thuận khung có hiệu lực trong vòng vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn quy định tại Điều 6 của Thỏa thuận khung này.

2. Khi được phép và tùy thuộc vào điều kiện thực tế, thời hạn này có thể được gia hạn theo yêu cầu của Bên A. Để gia hạn thời hạn này, Bên A phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B về việc gia hạn hiệu lực của Thỏa thuận khung không muộn

hơn 01 tháng trước ngày hết hiệu lực của Thỏa thuận khung. Tổng thời hạn có hiệu lực của Thỏa thuận khung sau khi gia hạn không vượt quá 03 năm.

3. Trường hợp Thỏa thuận khung hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc bị chấm dứt trước thời hạn thì tất cả các Hợp đồng đã được ký kết trên cơ sở Thỏa thuận khung và trước thời điểm Thỏa thuận khung hết hiệu lực/bị chấm dứt sẽ vẫn có đầy đủ hiệu lực để tiếp tục thực hiện, trừ khi có quy định khác về chấm dứt hợp đồng được quy định trong các Hợp đồng đó. Đồng thời, cũng sẽ không có Hợp đồng nào được ký kết trên cơ sở Thỏa thuận khung kể từ thời điểm Thỏa thuận khung hết hiệu lực/bị chấm dứt trước thời hạn.

Thỏa thuận khung được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 03 bản. Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận nêu trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung vi phạm của mình. Thỏa thuận khung là cơ sở để ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa nếu Bên B trúng thầu./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC 01

PHẠM VI CUNG CẤP

(Kèm theo Thỏa thuận khung số____/TTK/EVNGENCO1-____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

PHẠM VI CUNG CẤP

STT	HÀNG HÓA	DỊCH VỤ LIÊN QUAN
1	*Ammoniac hóa lỏng (NH3)*	*Vận chuyển*

MÔ TẢ HÀNG HÓA

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Ký mã hiệu/ nhãn mác	Xuất xứ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Ammoniac hóa lỏng (NH3)				

MÔ TẢ DỊCH VỤ LIÊN QUAN

STT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Dịch vụ vận chuyển		

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 02

MẪU HỢP ĐỒNG

(gồm Văn bản hợp đồng, điều kiện cụ thể, điều kiện chung)

(Kèm theo Thỏa thuận khung số____/TTK/EVNGENCO1-____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.4. "Nhà thầu phụ" là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSCG hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSCG; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSCG được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế; 1.9. "Dịch vụ liên quan" là dịch vụ vận chuyển hàng hóa. 1.10. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. "Địa điểm giao hàng cuối cùng" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận HSCG và trao hợp đồng;

	2.3. Quyết định phê duyệt kết quả chào giá; 2.4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 2.5. Điều kiện chung của hợp đồng; 2.6. HSCG và các tài liệu bổ sung, làm rõ HSCG của Nhà thầu (nếu có); 2.7. HSMCG và các tài liệu sửa đổi HSMCG (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**, Chủ đầu tư có thể uỷ quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định uỷ quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư trước ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSCG. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSCG. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.

8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**.
9. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.
10. Tiến độ cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp hàng hóa và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **ĐKCT**.
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ Hàng hóa và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**. 12.2. Giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
15. Tạm ứng	15.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại **ĐKCT**, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng

	hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích. 15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.
16. Thanh toán	16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
17. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 18.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Thỏa thuận khung; nếu tại Thỏa thuận khung không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
20. Đóng gói hàng hóa	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại **ĐKCT** phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
21. Bảo hiểm	Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại **ĐKCT**.
22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được quy định tại **ĐKCT**.
23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	23.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại **ĐKCT**. 23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu. 23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 ĐKC, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.
24. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng

	thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.
25. Bảo hành	25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa. 25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại **ĐKCT**.
26. Bất khả kháng	26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	27.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

	a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; d) Thay đổi địa điểm giao hàng; đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; e) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**. 27.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 28.4. Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT**.
29. Chấm dứt hợp đồng	29.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**. 29.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những

	chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện. 29.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 29.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

2. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là:___*[ghi tên hợp pháp đầy đủ của Chủ đầu tư].*
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___*[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].*
ĐKC 1.11	Điểm giao hàng cuối cùng là: ___ *[ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm, ví dụ:* *+ Kho Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải (Ấp Mù U, xã Dân Thành, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh);*
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ___*[liệt kê tài liệu].*
ĐKC 4	Chủ đầu tư *[có thể hoặc không thể]* ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận:___*[ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có].* Địa chỉ:___*[ghi đầy đủ địa chỉ].* Điện thoại:___*[ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].* Fax:___*[ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].* Địa chỉ email:___*[ghi địa chỉ email (nếu có)].*
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 21 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% Giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực trong vòng____ ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. *[quy định thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày].*
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
ĐKC 8.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất

	kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế khiếu nại ra Toà án có thẩm quyền. Quyết định cuối cùng của Toà án là Quyết định có hiệu lực chấp hành đối với các Bên. Mọi chi phí và lệ phí Toà án do Bên thua kiện chịu.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: - Tài liệu kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất (nếu có); - Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu hoặc xác nhận (bản gốc hoặc nộp bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền áp dụng nếu là hàng nhập khẩu); - Chứng chỉ chất lượng hoặc chứng chỉ phân tích hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương do nhà sản xuất/văn phòng đại diện nhà sản xuất cấp (bản gốc hoặc nộp bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền); - Tờ khai hải quan và bảng kê chi tiết hàng hóa (bản phô tô không thể hiện giá trị hàng hóa có đóng dấu xác nhận của bên bán) nếu là hàng nhập khẩu; - Phiếu an toàn hóa chất theo hướng dẫn tại phụ lục 09 của thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017; - Phiếu cân hàng (các xe chở hóa chất NH3 được cân tại trạm cân Công ty Nhiệt điện Duyên Hải); - Phiếu giao hàng (phiếu xuất kho); - Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc hại (bản gốc); - Cam kết bảo hành hàng hóa (bản gốc); Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: ___*[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSCG và trao hợp đồng].*
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng: trên cơ sở điều chỉnh đơn giá hợp đồng và điều chỉnh khối lượng hợp đồng, cụ thể: a) Điều chỉnh đơn giá hợp đồng: Không áp dụng. b) Điều chỉnh khối lượng: - Khối lượng hàng hóa cung cấp có thể tăng hoặc giảm trong thời gian thực hiện Hợp đồng theo nhu cầu thực tế của Bên mua, tuy nhiên không quá 20% khối lượng hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng; - Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, Khối lượng hàng hóa điều chỉnh tăng hoặc giảm ngoài phạm vi 20% khối lượng hợp đồng thì

	hai cần có sự thống nhất của hai bên bằng văn bản pháp lý trên cơ sở đảm bảo giữ nguyên đơn giá của Hợp đồng. - Những khối lượng phát sinh ngoài điều kiện quy định điều chỉnh ban đầu của hợp đồng hoặc trường hợp cần phải có sự tham gia của cả hai bên trong hợp đồng để ngăn ngừa, khắc phục các rủi ro thuộc trách nhiệm của một bên thì hai bên cùng bàn bạc thống nhất biện pháp xử lý.
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 15.1	Tạm ứng: Không áp dụng.
ĐKC 16.1	Phương thức thanh toán: Bên mời thầu thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị hàng hóa được thanh toán trong vòng 45 ngày bằng hình thức thanh toán chuyển khoản kể từ khi Bên mua nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán đối với từng đợt giao hàng, hồ sơ thanh toán gồm có: + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán. + Biên bản nghiệm thu khối lượng bàn giao hàng hóa; + Biên bản nghiệm thu giá trị hàng hóa của đợt giao hàng. + Tờ khai nhập khẩu hàng hóa (bản sao) đối với hàng hóa nhập khẩu. + Hoá đơn GTGT, thuế, các loại phí hợp lệ + Phiếu kiểm tra chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất đối với lần nhận hàng gần nhất của Nhà thầu. Biểu mẫu thanh toán Bên bán có trách nhiệm lập theo đúng quy định hiện hành của Bên mua;
ĐKC 20	Đóng gói hàng hóa: Hàng hóa phải niêm phong, vận chuyển theo đúng các quy định hiện hành, đặc biệt là việc phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường và đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật được nêu chi tiết tại Thỏa thuận khung.
ĐKC 21	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển và an toàn cháy nổ đối với hàng hóa cho đến thời điểm chuyển giao quyền sở hữu cho Chủ đầu tư (sau khi ký biên bản giao nhận hàng)
ĐKC 22	**Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:** Hàng hóa được Bên bán chịu trách nhiệm vận chuyển bằng xe chuyên dụng và được giao tại kho Bên mua (bơm vào bồn chứa) bằng chi phí của Bên bán. Toàn bộ hàng hoá được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng như sau: Đối với xe bồn chuyên dụng chở NH3 phải đáp ứng các yêu cầu: + Có khối lượng tối thiểu 9 tấn;

	+ Các xe phải có đủ đăng ký, đăng kiểm; + Có giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (NH3) được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật. Đối với xe chuyên chuyên dụng chở chai khí quy cách 50-60 kg/chai: + Có khối lượng tối thiểu 3 tấn; + Các xe phải có đủ đăng ký, đăng kiểm; + Có giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (NH3) được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật." **Yêu cầu về thời gian giao hàng:** Nhà thầu thực hiện giao hàng tại địa điểm giao hàng với thời gian giao hàng được quy định tại Phiếu yêu cầu NH3 mà Chủ đầu tư gửi cho Nhà thầu. Phiếu yêu cầu cấp NH3 có thể gửi qua email hoặc fax hoặc bưu điện. Trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm nhận được Phiếu yêu cầu cấp NH3, Nhà thầu phải có văn bản xác nhận. Mẫu phiếu cấp dầu của Chủ đầu tư và xác nhận của Nhà thầu được thực hiện theo Phụ lục 3 của Hợp đồng. **Phương pháp xác định khối lượng giao nhận:** - Đối với giao nhận bằng xe bồn: + Nhà thầu cung cấp Phiếu xuất kho, trong đó nêu rõ khối lượng hàng hóa cho từng xe bồn. + Thực hiện cân và xác nhận khối lượng tại Trạm cân của Chủ đầu tư. + Xe bồn được cân trước và sau khi bơm hàng vào bồn chứa dưới sự chứng kiến của đại diện hai bên. + Khối lượng thanh toán là khối lượng thấp hơn giữa khối lượng được cân tại Trạm cân của Chủ đầu tư và khối lượng trên Phiếu xuất kho của nhà thầu cho từng xe bồn. - Đối với hàng hóa giao nhận bằng dạng chai khí quy cách 50-60 kg/chai: Cân khối lượng chai chứa hàng sau đó trừ đi khối lượng vỏ chai theo Phiếu kiểm định ghi nhận. **Phương pháp nghiệm thu chất lượng:** - Trong mỗi lần giao hàng, nhà thầu xuất trình giấy chứng nhận chất lượng của lô hàng do nhà sản xuất cấp để chứng minh chất lượng hàng hóa. Giấy chứng nhận chất lượng phải là bản gốc hoặc bản sao y công chứng. - Đối với trường hợp cung cấp hàng nhập khẩu, Nhà thầu cần cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (bản gốc hoặc bản sao y công chứng).
ĐKC 23.1	Chủ đầu tư được quyền kiểm tra chất lượng hàng hóa trước, trong và sau khi tiếp nhận. Việc kiểm tra chất lượng trước khi tiếp nhận được tiến hành theo phương thức như sau: - Vị trí kiểm tra: trên phương tiện chở hàng của Nhà thầu, trước khi giao tại kho của Chủ đầu tư; - Thời gian kiểm tra: trước khi tiếp nhận vào kho của Chủ đầu tư;

	- Cách thức kiểm tra: Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu cùng lấy 03 chai mẫu tại phương tiện trước khi nhận hàng; Chủ đầu tư giữ 01 mẫu, Nhà thầu giữ 01 mẫu, còn 01 mẫu sẽ do Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng tại bộ phận hoá nghiệm của mình và đối chiếu với chứng nhận chất lượng của Nhà thầu. Nếu không đạt yêu cầu, hai bên sẽ dùng mẫu lưu của Chủ đầu tư và Nhà thầu để kiểm tra tại cơ quan có chức năng kiểm định đo lường chất lượng do hai bên thống nhất lựa chọn; chi phí phát sinh do Nhà thầu chịu. Theo tình hình thực tế sản xuất, Chủ đầu tư có toàn quyền quyết định từ chối hay chấp nhận những lô hàng không đáp ứng được tất cả các yêu cầu về chất lượng như quy định.
ĐKC 24	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 8 % giá trị hợp đồng. Mức khấu trừ: 0,15%/cho mỗi ngày giao hàng chậm (căn cứ tiến độ cấp hàng quy định trong Phiếu yêu cầu cấp NH3 của Chủ đầu tư). Mức khấu trừ tối đa: 8 % giá trị phần công việc bị chậm.
ĐKC 25.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: Hàng hóa mới 100% theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất
ĐKC 25.2	Yêu cầu về bảo hành: Không áp dụng.
ĐKC 27.1 (e)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: ...
ĐKC 28.4	Các trường hợp khác: không áp dụng
ĐKC 29.1 (d)	Các hành vi khác: Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa đạt 8% giá trị hợp đồng.

3. VĂN BẢN HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Đợt chào giá: _____

Thuộc Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: _____ *[Ghi tên KHLCNT]*

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-EVNGENCO1 ngày ____ tháng ____ năm ____ của Tổng công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt danh sách ngắn các nhà cung cấp NH3 cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1;

- Căn cứ Thỏa thuận khung số___/TTK-...-...về việc thực hiện cung cấp NH3 cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 giữa... và....;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của đợt chào giá số ____ *[Ghi số hiệu của chào giá]* thuộc gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo trúng thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục);

2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ;

4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

5. Điều kiện chung của hợp đồng;

6. Hồ sơ chào giá và các tài liệu bổ sung, làm rõ hồ sơ chào giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

7. Hồ sơ mời chào giá và các tài liệu hiệu chỉnh hồ sơ mời chào giá (nếu có);

8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng.]*

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu tại Điều 13 **ĐKCT**.

Điều 6. Loại hợp đồng _____

*[Nêu các hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 6 **ĐKCT**].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____

[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với HSCG, HSMCG và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 1 **ĐKCT**].*

2. Hợp đồng này là bộ phận không thể tách rời của Thỏa thuận khung số___/TTK-...-...về việc thực hiện cung cấp NH3 cho các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty Phát điện 1 giữa... và....;

3. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 1

PHẠM VI CUNG CẤP

(Kèm theo Hợp đồng số _____/_____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

STT	HÀNG HÓA	DỊCH VỤ LIÊN QUAN
1	*Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)*	*Vận chuyển*

MÔ TẢ HÀNG HÓA

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Ký mã hiệu/ nhãn mác	Xuất xứ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)				

MÔ TẢ DỊCH VỤ LIÊN QUAN

STT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Dịch vụ vận chuyển...		

PHỤ LỤC 2

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền
1	Giá hàng hóa	**(M)**
2	Giá dịch vụ liên quan	**(I)**
Tổng cộng giá hợp đồng		**(M) + (I)**

BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	**Mô tả hàng hóa**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng**	**Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm**	**Đơn giá (chưa VAT)**	**Thành tiền** (Cột 4x6)
	Hàng hóa					
Thuế, phí, lệ phí (nếu có)						
Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)*						**M**

BẢNG GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6
Mô tả dịch vụ	**Khối lượng**	**Đơn vị tính**	**Địa điểm thực hiện dịch vụ**	**Đơn giá (chưa VAT)**	**Thành tiền** (Cột 2x5)
Thuế, phí, lệ phí (nếu có)					
Tổng giá các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)*					**I**

PHỤ LỤC 3

PHIẾU YÊU CẦU CẤP NH3

(Kèm theo Hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Mẫu số 10

MẪU
PHIẾU YÊU CẦU CẤP NH3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1 **CÔNG TY...**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /...-...	*....., ngày ... tháng ... năm 20...*

PHIẾU YÊU CẦU CẤP NH3

Kính gửi: ____*[Ghi tên nhà thầu]*

Căn cứ Hợp đồng số _____ngày____tháng ____năm ____ và Quyết định số ____/QĐ-____ ngày____tháng ____năm ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu,

Chúng tôi, Công ty ____đề nghị Nhà thầu cung cấp hàng hóa với nội dung như sau:

- Số lượng NH3 ____ [*Amoniac hóa lỏng ≥ 99,5%)*]:..... kg

- Địa điểm giao hàng: .....

- Thời gian giao hàng: *Nhà thầu sẽ giao hàng tại địa điểm giao hàng nêu trên trong vòng bốn (04) ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, đối với giao bằng xe bồn) kể từ thời điểm Nhà thầu nhận được Phiếu yêu cầu cấp NH3 này.*

Phiếu yêu cầu cấp NH3 này được gửi đến Nhà thầu theo số fax của Nhà thầu ghi trên Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm xác nhận cấp hàng theo phiếu yêu cầu cấp NH3 này (trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm nhận được) và gửi cho chúng tôi theo số fax của Chủ đầu tư ghi trên Hợp đồng.

Trân trọng./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, KH.	**TỔNG GIÁM ĐỐC**

** Phiếu yêu cầu được gửi fax lúc ... giờ ... phút ngày .../.../...*

*** XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY .....**

Chúng tôi cam kết sẽ cấp hàng cho quý Công ty theo nội dung của Phiếu yêu cầu cấp NH3 này.

....., ... giờ .... ngày .../.../20...

Người đại diện Công ty

(Ký tên, ghi họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 03

MẪU HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số____ /TTK/EVNGENCO1-____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Đợt chào giá: _____

Thuộc gói thầu: _____

Thuộc KHLCNT: _____

[ghi số hiệu đợt chào giá, tên gói thầu và tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ chào giá cho nhà thầu]

Bên mời thầu

[ghi tên, đóng dấu]

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSCG	Hồ sơ chào giá
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

Chương I. YÊU CẦU NỘP HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng công ty Phát điện 1.

2. Tên Bên mời thầu là: _____ *[Điền tên đầy đủ của Bên mời thầu].*

3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp HSCG) cho đợt chào giá số_____ *[điền số hiệu của đợt chào giá]* của gói thầu_____ *[Điền tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt]* thuộc KHLCNT_____ *[Ghi tên KHLCNT].* Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương III của HSMCG này.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Ghi thời gian].*

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia hồ sơ mời chào giá này khi đáp ứng điều kiện sau đây: Có tên trong danh sách ngắn được phê duyệt tại Quyết định số _____/QĐ-EVNGENCO1 ngày _____ của Tổng công ty Phát điện 1.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a hoặc Mẫu 03b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần Hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 - Chương III;
2. Bảo đảm dự thầu theo Mẫu số 02 - Chương III;

3. Biểu giá theo Mẫu số 03 - Chương III;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ chào giá

1. Nhà thầu phải nộp Hồ sơ chào giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: _____*[Ghi địa chỉ của bên mời thầu, số điện thoại, fax và email tiếp nhận báo giá]* không muộn hơn _____*[Ghi ngày, giờ đóng thầu nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 05 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên phát hành Hồ sơ mời chào giá]. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét.*

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ chào giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Hồ sơ chào giá, bên mời thầu lập biên bản mở thầu bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá, bảo đảm dự thầu (giá trị, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu) và gửi biên bản mở thầu này đến các nhà thầu đã nộp hồ sơ chào giá.

3. Bên mời thầu so sánh các Hồ sơ chào giá theo Hồ sơ mời chào giá. Trong quá trình đánh giá các Hồ sơ chào giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSMCG này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: _____*[quy định giá trị bảo đảm dự thầu bằng 1,5% giá trị dự toán được phê duyệt của đợt chào hàng].*

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán của đợt chào giá được duyệt.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và được đăng tải theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:_____*[Ghi giá trị và biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho phù hợp].*

Mục 11. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSCG

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSCG

HSCG của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSCG;

b) Có đơn chào hàng thuộc HSCG được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logíc với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

đ) Thời hạn hiệu lực của HSCG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 6 Chương này;

e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

f) Nhà thầu đảm bảo tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

Nhà thầu có HSCG hợp lệ sẽ được tiếp tục đánh giá chi tiết về tài chính.

Mục 2. Đánh giá về tài chính

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSCG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMCG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMCG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMCG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSCG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSCG của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSCG của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSCG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của

hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSCG của nhà thầu này; trường hợp HSCG của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Đợt chào giá số: _____ *[Ghi số hiệu của đợt chào hàng theo thông báo mời chào giá]*

Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào giá]*

Tên dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá và văn bản sửa đổi Hồ sơ mời chào giá số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu],* cam kết thực hiện đợt chào giá số _____ *[Ghi số hiệu của đợt chào giá]* của gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đợt chào giá].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự đợt chào giá này.

5. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].*

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Mẫu số 02a

BẢO LÃNH DỰ THẦU[1]

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng:___*[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của Bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___*[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___*[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào giá để thực hiện đợt chào giá số_____*[Ghi số hiệu của đợt chào giá]* của gói thầu _____*[Ghi tên gói thầu]* thuộc KHLCNT _____*[Ghi tên KHLCNT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đợt chào giá này bằng một khoản tiền là ____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____[2] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[3].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút Hồ sơ chào giá sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau

khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

Mẫu số 02b

BẢO LÃNH DỰ THẦU[1]

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng:___*[Ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___*[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___*[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào giá để thực hiện đợt chào giá số_____*[Ghi số hiệu của đợt chào giá]* của gói thầu _____*[Ghi tên gói thầu]* thuộc KHLCNT _____*[Ghi tên KHLCNT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____[3] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[4].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là _____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút Hồ sơ chào giá sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ *[Ghi đầy đủ tên của nhà thầu*

liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)";

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

Mẫu số 03a

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào *(Kết chuyển sang đơn chào hàng)*		**(M) + (I)**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03a1

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	**Danh mục hàng hóa**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng mời thầu**	**Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm**	**Đơn giá**	**Thành tiền** (Cột 4x6)
1	*Hàng hoá thứ 1*					*M1*
2	*Hàng hoá thứ 2*					*M2*
	....					
n	*Hàng hoá thứ n*					*Mn*
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)*						**M=M1+M2 +...+Mn**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu. Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Mẫu số 03b

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	**Mô tả dịch vụ**	**Khối lượng mời thầu**	**Đơn vị tính**	**Địa điểm thực hiện dịch vụ**	**Ngày hoàn thành dịch vụ**	**Đơn giá**	**Thành tiền** (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)*							**(I)**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp với Bảng dịch vụ liên quan quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

Các cột (7), (8) do nhà thầu chào.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng số 1.1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng(1)	Ghi chú
1	*Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)*	Theo Thỏa thuận khung đã ký kết	Kg	...	

Ghi chú: (1) Điền số lượng mua sắm tương ứng với dự toán được phê duyệt.

Bảng số 1.2. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện	Ngày hoàn thành
1	Vận chuyển(2) *Ammoniac hóa lỏng (Hàm lượng NH3 lỏng ≥ 99,5%)*	01	Trọn gói	Kho nhà máy…	Theo bảng tiến độ cung cấp hàng hóa

Ghi chú: (2) Điền số lượng mua sắm tương ứng với dự toán được phê duyệt.

Mục 2. Tiến độ cung cấp hàng hóa

Tiến độ yêu cầu cung cấp cần được Bên mời thầu lập thành bảng, trong đó nêu rõ tên hàng hóa với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp cụ thể. Hàng hóa có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau tùy theo yêu cầu của gói thầu.

Bảng số 2. Tiến độ cung cấp

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp[1]	Địa điểm cung cấp

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu cũng như loại hàng hóa cụ thể mà quy định, chẳng hạn yêu cầu cung cấp vào một thời điểm cụ thể (ngày tháng cụ thể), sau một số tuần nhất định kể từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc quy định trong một khoảng thời gian (từ tuần thứ _____ đến tuần thứ _____ kể từ khi hợp đồng có hiệu lực).